

Bản án số: 08/2025/HS-ST
Ngày: 14-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Nguyễn Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Thành Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 153/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2025, đối với bị cáo:

Ngô Văn T, sinh năm 1994 tại Thanh Hóa; nơi thường trú: Ấp D, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn N và bà Vũ Thị T1; có 01 con; tiền án, tiền sự: không; ngày bị tạm giữ 02 tháng 10 năm 2024, sau tạm giam cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: Ông Lê Sỹ Q, sinh năm 1993; nơi thường trú: Thôn D, xã K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi tạm trú: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Phạm Trung H, sinh năm 1977; nơi thường trú: thôn A, xã D, huyện V, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Trọng M, sinh năm 1983; nơi thường trú: xóm B, xã X, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; nơi tạm trú: khu phố D, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước, vắng mặt.

3. Ông Đinh Công T2, sinh năm 1982; nơi thường trú: xóm Đ, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo: Ngô Văn T là đối tượng không có nghề nghiệp, sống lang thang trên địa bàn huyện B, tỉnh Bình Dương.

Vào ngày 06 tháng 9 năm 2024 và ngày 09 tháng 9 năm 2024, T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 02 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 06 tháng 9 năm 2024, T đi bộ trên đường Q thuộc khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương với mục đích kiếm tài sản sơ hở để lấy trộm. Khi T đi ngang cửa hàng mua bán xe máy cũ tên “P” do ông Lê Sỹ Q làm chủ, T quan sát thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu PrealmII, màu nâu, biển số 35F4-1918 có cắm sẵn chìa khóa nên T nảy sinh ý định lấy trộm đem bán kiếm tiền tiêu xài. T quan sát xung quanh rồi lấy trộm xe mô tô nói trên điều khiển đi về hướng Trung tâm hành chính huyện B, khi đến gần Q huyện B xe hết xăng nên T đẩy bộ, trong lúc đẩy bộ T gặp một người thu mua ve chai dạo (không rõ họ tên, địa chỉ) và bán cho người thu mua ve chai với giá 400.000 đồng, tiền bán xe Thiết tiêu xài cá nhân hết.

Lần 2: Ngày 09 tháng 9 năm 2024, T đang đi bộ ngang nhà ông Phạm Trung H ở khu phố B, Thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương thì phát hiện trong sân nhà có 01 xe đạp thể thao màu xanh đen, hiệu GHBIKE không ai trông coi nên T đi vào trong sân lấy trộm xe đạp trên. Đến ngày 10 tháng 9 năm 2024, T điều khiển xe đạp thể thao đến quán cà phê ở khu phố H, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước, tại đây T đã bán xe đạp thể thao trên cho ông Nguyễn Trọng M với giá 600.000 đồng, tiền bán xe Thiết tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 24 tháng 9 năm 2024, ông H và ông Q đến Công an thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương trình báo toàn bộ sự việc nêu trên. Sau khi tiếp nhận tin báo Công an thị trấn L nghi vấn Ngô Văn T là người thực hiện hành vi trộm cắp nên mời T lên cơ quan để làm việc, T thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 102/KL-HĐĐG ngày 25 tháng 9 năm 2024, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu PrealmII (kiểu dáng xe Dream), số khung 010328, số máy 110328, biển số 35F4-1918, màu nâu, đăng ký tháng 11/2001, trị giá 2.300.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 103/KL-HĐĐG ngày 25 tháng 9 năm 2024, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: 01 xe đạp thể thao, nhãn hiệu GHBIKE, sử dụng từ tháng 02/2024, trị giá 1.680.000 đồng.

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về các Kết luận định giá tài sản.

Về vật chứng:

01 xe mô tô nhãn hiệu PrealmII (kiểu dáng xe Dream), số khung 010328, số máy 110328, biển số 35F4-1918, màu nâu người đứng tên chủ sở hữu là ông Đinh Công T2. Ông T2 đã bán lại xe mô tô nói trên cho ông Lê Sỹ Q với giá 3.500.000 đồng, nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ nên đây là tài sản hợp pháp của ông Q. Ngày 06 tháng 9 năm 2024, T đã bán xe mô tô nói trên cho người thu mua ve chai (không rõ họ tên, địa chỉ) nên không thu hồi được.

Ông Nguyễn Trọng M khai nhận: vào ngày 10 tháng 9 năm 2024, ông M mua lại 01 xe đạp của Ngô Văn T, ông M không biết đây là xe T phạm tội mà có và ông M tự nguyện giao nộp lại 01 xe đạp thể thao cho Cơ quan Công an, ông M không yêu cầu T trả lại số tiền 600.000 đồng.

01 xe đạp thể thao, nhãn hiệu GHBike là tài sản hợp pháp của ông Phạm Trung H. Ngày 29 tháng 11 năm 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe đạp cho ông H.

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về việc xử lý vật chứng.

Hành vi trộm cắp 01 xe đạp thể thao, nhãn hiệu GHBike vào ngày 09 tháng 9 năm 2024, của ông Ngô Văn T có giá trị 1.680.000 đồng không đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Ngày 29 tháng 11 năm 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra Quyết định xử lý hành chính, xử phạt Ngô Văn T số tiền 3.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản.

Về bồi thường thiệt hại: Bị hại ông Lê Sỹ Q yêu cầu Ngô Văn T bồi thường số tiền 3.500.000 đồng. T đồng ý, nhưng chưa có tiền để bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của bị cáo Ngô Văn T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

Bản Cáo trạng số 01/CT-VKSBB ngày 18 tháng 12 năm 2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Ngô Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Văn T mức án từ 08 tháng tù đến 10 tháng tù.

Về bồi thường thiệt hại: áp dụng các Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, buộc Ngô Văn T bồi thường cho ông Lê Sỹ Q số tiền 3.500.000 đồng.

Bị cáo Ngô Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận.

Bị hại ông Lê Sỹ Q vắng mặt, quá trình điều tra, truy tố yêu cầu Ngô Văn T bồi thường số tiền 3.500.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phạm Trung H vắng mặt, quá trình điều tra, truy tố đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Trọng M, ông Đinh Công T2 vắng mặt, quá trình điều tra, truy tố không có yêu cầu gì trong vụ án.

Bị cáo Ngô Văn T nói lời sau cùng: bị cáo ân hận, xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Có căn cứ xác định: Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại cửa hàng mua bán xe máy “Phương” thuộc khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, Ngô Văn T đã lén lút lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu PrealmII (kiểu dáng xe Dream), số khung 010328, số máy 110328, biển số 35F4-1918, màu nâu trị giá 2.300.000 đồng của ông Lê Sỹ Q. Do đó, Hội đồng xét xử xác định: hành vi của bị cáo Ngô Văn T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Tại phiên tòa: bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

[5.1] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[5.2] Về nhân thân: tại thời điểm phạm tội, bị cáo không bị kết án, không bị xử lý hành chính, tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô vào ngày 06/9/2024, thì đến ngày 09/9/2024, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp xe đạp và bị xử lý hành chính, xét về nhân thân của bị cáo là chưa tốt.

[5.3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5.4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[6] Xét, tình hình xâm phạm sở hữu ngày càng diễn biến phức tạp, hành vi trộm cắp tài sản liên tục xảy ra trên địa bàn huyện B, hành vi ngày càng liều lĩnh, phức tạp. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý thật nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại ông Lê Sỹ Q yêu cầu Ngô Văn T bồi thường số tiền 3.500.000 đồng, bị cáo T đồng ý bồi thường. Xét, thỏa thuận về việc bồi thường của bị hại và bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận theo quy định tại các Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phạm Trung H, đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào các Điều 106, 135, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 6, 23, 26 Mục 1 Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Ngô Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Ngô Văn T 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02 tháng 10 năm 2024.
3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Ngô Văn T phải bồi thường cho ông Lê Sỹ Q số tiền 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Bị cáo Ngô Văn T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- PV27 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân (nếu có);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ánh Tuyết